CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **0674** /BC-CĐTĐ-TC	*Thành phố HCM, ngày 15 tháng 4 năm 2013*

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHO
TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số: 1355 93
Giờ ..... Ngày 17 tháng 4 12013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Năm tài chính 2012)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 0301824508 ngày 03 tháng 12 năm 2010
- Vốn điều lệ: 80.730.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 80.730.000.000 đồng
- Địa chỉ: Km 9, Xa lộ Hà Nội, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM
- Số điện thoại: (84.8) 22144647-22141417-22141433
- Số fax: (84.8) 38963159
- Website: http://www.codientd.com
- Mã cổ phiếu: EMC

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức tiền thân là Nhà Máy Sửa Chữa Cơ Điện - là một doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Công ty Điện lực 2, được thành lập từ năm 1976. Năm 1996 đổi tên thành Nhà Máy Cơ Điện. Đến tháng 6/1999, tách khỏi Công Ty Điện Lực 2 và trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện Lực Việt Nam), được thành lập theo Quyết định số 31/1999/QĐ-BCN ngày 03/06/1999 của Bộ Công nghiệp Việt Nam, và đổi tên thành Công ty Cơ điện Thủ Đức.

- Theo Quyết định số 337/QĐ-BCN, ngày 26/01/2007 của Bộ Công nghiệp; Quyết định số 1092/QĐ-BCT ngày 15/10/2007 của Bộ Công Thương Công Ty Cơ Điện Thủ Đức được duyệt phương án cổ phần hoá chuyển doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo mô hình Công Ty cổ phần.

- Sau khi tổ chức Đại hội cổ đông thành lập, ngày 02/01/2008, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công Ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức đã chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công Ty cổ phần, trong đó Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (EVN) giữ cổ phần chi phối (đến thời điểm 31/12/2012, EVN giữ 56,92 % cổ phần tại Công Ty CP cơ Điện Thủ Đức).

- Ngày 29/11/2012, theo Quyết định chấp nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số : 128/QĐ-SGDHCM, ngày 31/8/2012 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh,

CTCP Cơ điện Thủ Đức đã chính thức đăng ký niêm yết 8.073.000 cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch TP.HCM, với mã chứng khoán EMC .

3. Ngành nghề kinh doanh

Chế tạo máy biến áp, chế tạo phụ tùng cho các nhà máy điện, phụ kiện đường dây và trạm điện, tủ bảng điện các loại; Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện; Gia công cơ khí, sản xuất trụ điện thép và giá đỡ thiết bị đến 500KV; Kinh doanh và XNK máy biến áp, các phụ tùng, thiết bị điện. Sửa chữa, lắp đặt các tổ máy phát điện Diesel; Xây lắp công trình điện công nghiệp và dân dụng đến cấp điện áp 220KV; Kinh doanh thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông, kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa. Kinh doanh khách sạn; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi; Sản xuất cáp điện, dây điện từ các loại; Khai thác, xây dựng công trình nhà máy thuỷ điện vừa và nhỏ; Kinh doanh bất động sản…

4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý của Công ty:

Tổ chức bộ máy, quản lý, điều hành Công ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức gồm:

Tổng số CBCNV: 501 người .

a) Hội Đồng quản trị: 05 người

b) Ban Kiểm soát: 03 người

c) Ban Giám Đốc (gồm Giám Đốc và 2 Phó Giám Đốc): 03 người

d) Đại diện Lãnh đạo (ISO): 01 người

e) Phòng ban chức năng gồm: 10 phòng & 01 ban

- Phòng Tổ chức Lao Động - Đào tạo
- Văn phòng Công ty
- Phòng Kế hoạch
- Phòng Kỹ thuật
- Phòng KCS (gồm bộ phận kiểm tra chất lượng và Phòng thử nghiệm điện)
- Phòng Kế toán tài chính
- Phòng Vật tư
- Phòng Hợp tác Quốc Tế
- Phòng Thanh tra bảo vệ
- Phòng Kinh doanh
- Ban ISO

f) Các phân xưởng sản xuất gồm: 11 phân xưởng

- Phân xưởng Cơ khí 1
- Phân xưởng Cơ khí 2
- Phân xưởng Biến thế 1
- Phân xưởng Biến thế 2
- Phân xưởng Biến thế 3
- Phân xưởng Cơ Điện

- Phân xưởng Sửa chữa Diesel
- Phân xưởng Vận tải - Sơn
- Phân xưởng Gia công thiết bị Cơ khí thuỷ công
- Phân Xưởng Dịch vụ (sản xuất cáp điện, dây điện từ)
- Phân xưởng Thép Kỹ thuật Điện

- Tất cả các đơn vị Phân xưởng, Phòng Ban trực thuộc Công Ty chịu sự điều hành của Giám Đốc theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công và phải tuân thủ theo các quy định phân cấp chỉ dạo thống nhất trong toàn Công Ty của Hội Đồng Quản Trị.
- Công Ty hoạt động trên cơ sở Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công Ty được Đại Hội đồng cổ đông thông qua trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, pháp luật và Ngành Điện.
- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần là Đại hội đồng cổ đông.
- Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội Đồng Quản Trị để quản lý Công Ty; bầu Ban Kiểm Soát để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty.

❖ TRÁCH NHIỆM & QUYỀN HẠN CỦA CÁC THÀNH VIÊN TRONG SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY:

a. Hội đồng quản trị.

♦ Hoạt động kinh doanh và công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về đại hội đồng cổ đông.

♦ Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám Đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công Ty.

♦ Các Nghị quyết, quyết định, quy chế của HĐQT được ban hành có tính bắt buộc thực hiện đối với Giám Đốc và toàn thể CBCNV trong Công Ty, đơn vị trực thuộc.

♦ Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc điều hành hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công Ty nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty . Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công Ty theo đề nghị của Giám Đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Quyết định các phương án đầu tư; quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và đầu tư công nghệ.
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức cho các cổ đông;
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện pháp luật của Công Ty .

b. Ban kiểm soát: Ban kiểm soát có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

- Thực hiện việc giám sát hoạt dộng của Giám Đốc Công Ty và bộ máy điều hành, quản lý để đảm bảo tuân thủ việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ Công Ty; chấp hành các Nghị quyết , quyết dịnh của HĐQT và của Đại hội đồng cổ đông trong quá trình hoạt dộng sản xuất kinh doanh .
- Được Hội đồng Quản trị tham khảo ý kiến về việc ban hành, thực hiện các quy chế nội bộ trong Công Ty cho phù hợp với pháp luật, Điều lệ Công Ty nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất cho doanh nghiệp .
- Đề xuất việc chỉ định hoạt động kiểm toán,thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát trước, trong và sau mỗi giai đoạn sản xuất kinh doanh (khi có ý kiến thống nhất của HĐQT); thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị và các cổ đông;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề kiểm toán viên độc lập cần bàn bạc;

c. Giám Đốc điều hành:

Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày trong Công Ty, chỉ đạo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị.Giúp việc cho Giám Đốc có các Phó Giám Đốc, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Giám Đốc Công Ty.

Đại diện Lãnh đạo:

- Đại diện Lãnh đạo được Hội Đồng Quản trị Công Ty bổ nhiệm và chịu trách nhiệm:

• Tổ chức xây dựng hệ thống quản lý chất lượng trong toàn Công Ty theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

• Báo cáo Lãnh đạo cao nhất về kết quả hoạt động của Hệ thống quản lý chất lượng.

• Thúc đẩy toàn bộ tổ chức nhận thức được yêu cầu của khách hàng .

• Thông tin phối hợp với các tổ chức bên ngoài về những vấn đề liên quan đến hệ thống quản lý chất lượng và chứng nhận.

• Tổ chức đánh giá việc thực hiện hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng

• Tìm kiếm cơ hội cải tiến hệ thống quản lý chất lượng.

d. Các Phòng (Ban) chức năng:

♦ *Phòng Hợp Tác Quốc Tế:*

Tham mưu giúp Giám đốc quản lý và điều hành hoạt động đối ngoại, công tác xuất khẩu của Công ty. Chịu trách nhiệm đối ngoại, thực hiện công tác hợp tác, liên danh với các đối tác nước ngoài, tìm hiểu thị trường, tiếp thu, nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến của các nước để cải tiến kỹ thuật và mở rộng sản xuất kinh doanh.

♦ *Phòng Tổ Chức Lao Động - Đào Tạo:* Là đơn vị tham mưu cho Giám Đốc về công tác tổ chức nhân sự, đào tạo nguồn nhân lực, công tác lao động tiền lương, cụ thể: Hoạch định tổ chức nhân sự; Tuyển dụng - đào tạo; Quản lý, theo dõi công tác tiền

lương và các chế độ chính sách cho người lao động; Quản lý hồ sơ, lý lịch cá nhân CB.CNV toàn Công ty.

- *Văn phòng Công ty:* Là phòng tham mưu, phụ trách các công tác sau: Văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu; Truyền đạt các chủ trương chính sách và các văn bản pháp luật của cấp trên và của Công ty; Thực hiện công tác thi đua, tuyên truyền; Đảm nhận thực hiện công tác Lễ tân, tổ chức hội họp và các sự kiện khi có yêu cầu; Phụ trách công tác y -tế, quản trị...Điều tiết phương tiện vận tải, vận chuyển của Công ty.
- *Phòng Kinh Doanh:*

Chịu trách nhiệm trước Công ty về tình hình kinh doanh, tiếp thị, nghiên cứu thị trường, đề xuất các giải pháp thực hiện và phản ánh kịp thời cho Lãnh đạo Công ty về mọi hoạt động, công tác có liên quan đến kinh doanh; Chịu trách nhiệm về triển khai bán các sản phẩm của Công ty, các mặt hàng gia công đúng theo tiêu chuẩn quy định, chính sách tài chính liên quan đến hợp đồng và các qui định của Công ty có liên quan đến công tác kinh doanh; Chịu trách nhiệm về tình hình thu hồi công nợ, giá trị doanh thu đảm bảo quay vòng vốn cho Công ty hoạt động (phần vốn liên quan đến việc bán hàng); Chịu trách nhiệm về việc triển khai công tác hậu mãi sau bán hàng; Chịu trách nhiệm theo dõi hoạt động của đại lý theo các hợp đồng và các hoạt động khác như: chế độ khuyến khích khách hàng sử dụng, mua các sản phẩm của Công ty; Tham mưu chính cho Lãnh đạo Công ty trong hoạt động kinh doanh, phương hướng, chiến lược, giá bán sản phẩm.

- *Phòng Kế Hoạch:*

Tham mưu cho Giám đốc về các mặt quản lý chung về tài sản (trang thiết bị, vật tư, tiền vốn, giá thành…) hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, điều độ sản xuất hàng ngày; thực hiện công tác thống kê, công tác lập dự toán các sản phẩm, công trình. Lập kế hoạch chiến lược phát triển của Công ty ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

- *Phòng Kỹ Thuật:*

Phụ trách công tác thiết kế kỹ thuật, thiết lập công nghệ chế tạo, sửa chữa các mặt hàng gia công sản xuất tại Công ty. Giám sát kỹ thuật trong quá trình sản xuất; Phụ trách và giám sát công tác kỷ thuật an toàn, bảo hộ lao động của Công ty; Thực hiện công tác sáng kiến, hợp lý hoá trong sản xuất, cải tiến quy trình công nghệ.

- *Phòng Vật tư:*

Tổ chức cung ứng, cấp phát và quản lý vật tư toàn Công ty. Căn cứ vào yêu cầu sản xuất lập kế hoạch và xây dựng tiến độ cấp phát, cung ứng vật tư sản xuất hàng tháng, quý, năm…; Tìm kiếm, khai thác nguồn vật tư trong và ngoài Công ty; Tổ chức cấp phát vật tư đúng chủng loại, số lượng cho khách hàng trong và ngoài Công ty; Theo dõi, kiểm tra việc sử dụng, tồn trữ vật tư bán thành phẩm của các Đơn vị trong Công ty; Thiết lập các hợp đồng, hoá đơn, văn bản…có liên quan đến công tác vật tư; Thực hiện công tác giao nhận sản phẩm, các loại vật tư trong sản xuất và theo dõi công tác tồn kho các sản phẩm; Sắp xếp, quản lý có hệ thống các hồ sơ, tài liệu liên quan đến vật tư.

- *Phòng Kế Toán Tài Chính:*

Tham mưu cho Giám đốc về các mặt quản lý tài chính và thực hiện công tác kế toán tài chính, thống kê thông tin và hạch toán kinh tế tập trung cho các đơn vị trong Công Ty; Thông báo kịp thời kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính; Tính

giá thành sản phẩm; Lưu trữ các chứng từ sổ sách liên quan đến tài chính của Công ty; Theo dõi công tác quyết toán các công trình.

♦ *Phòng Thanh Tra Bảo Vệ:*

Tham mưu cho Giám đốc về công tác thanh tra -bảo vệ, phòng cháy chữa cháy trong Công ty đúng theo luật định. Tổ chức thực hiện, nắm vững tình hình, tổng hợp, nghiên cứu và giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, bảo vệ trật tự -an toàn trong công tác sản xuất.

♦ *Phòng KCS (gồm bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm và Phòng Thử nghiệm Điện):*

Chịu trách nhiệm quản lý mọi công tác có liên quan đến công việc kiểm tra, kiểm định nguyên vật liệu đầu vào để đảm bảo chất lượng các sản phẩm giao cho khách hàng; kiểm định các bán thành phẩm trong quá trình sản xuất ; lập báo cáo thống kê các sản phẩm không phù hợp. Quản lý Phòng Thử nghiệm Điện và Cơ khí của Công Ty; Quản lý các tài sản (thiết bị thí nghiệm…) của Công Ty giao; Tổ chức hoạt động, vận hành thiết bị đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị; Chịu trách nhiệm điều hành, quản lý chung các phòng chức năng là các Trưởng phòng, giúp việc cho Trưởng phòng là Phó phòng

♦ *Ban ISO:*

Hoạt động theo sự chỉ đạo trực tiếp của Đại diện Lãnh đạo: Soạn thảo các quy trình chất lượng, quy trình kỹ thuật, các hướng dẫn, biểu mẫu cho hệ thống; Theo dõi, bảo đảm các tài liệu soạn thảo đưa vào vận hành và có chỉnh sửa kịp thời để ngày càng phù hợp với tình hình của hệ thống.

• Thường trực ISO:Chịu trách nhiệm quản lý các tài liệu thuộc hệ thống chất lượng của Công ty; Soạn thảo chương trình làm việc hàng tuần của Ban ISO; Lên kế hoạch và theo dõi, đôn đốc thực hiện theo các yêu cầu của hệ thống đánh giá nội bộ, họp xem xét…; Tổng hợp số liệu, thực hiện các báo cáo.

e. Các Phân xưởng sản xuất:

♦ *Phân xưởng Biến thế:* gồm có 03 phân xưởng Biến thế 1, Biến thế 2, Biến thế 3, có chức năng chính sau:

Thực hiện công tác chế tạo và sửa chữa các loại máy biến áp phân phối công suất đến 6300KVA, điện áp đến 35 KV và các chủng loại khác (nếu có) trong kế hoạch được Công Ty giao, thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và tiêu chuẩn kỹ thuật; Quản lý tài sản và trang thiết bị được Công ty giao cho Phân xưởng; Tổ chức sản xuất an toàn đạt hiệu quả. Nghiên cứu kế hoạch chủ động nhằm hoàn thiện dây chuyền công nghệ chế tạo và sửa chữa máy biến áp các loại.

♦ *Phân xưởng Cơ Điện:* có chức năng chính sau:

Thực hiện công tác chế tạo và sửa chữa máy biến áp trung gian, máy biến áp truyền tải công suất đến 63.000KVA, điện áp đến 110 KV và các chủng loại khác (nếu có) trong kế hoạch được Công Ty giao, thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và tiêu chuẩn kỹ thuật; Quản lý tài sản và trang thiết bị được Công ty giao cho Phân xưởng; Tổ chức sản xuất an toàn đạt hiệu quả. Nghiên cứu kế hoạch chủ động nhằm hoàn thiện dây chuyền công nghệ chế tạo và sửa chữa máy biến thế các loại.

♦ *Phân xưởng Cơ Khí:* gồm có 02 phân xưởng CK1, CK2 có chức năng chính sau:

Thực hiện công tác gia công và sửa chữa phục hồi, chế tạo các mặt hàng cơ khí, phụ kiện thiết bị phục vụ công tác chế tạo Máy biến áp các loại; chế tạo các sản phẩm cơ khí điện trên hệ thống đường dây tải điện, các chi tiết, phụ tùng của Tổ máy phát Điện diesel; Quản lý tài sản và trang thiết bị được Công ty giao cho Phân xưởng; Tổ chức sản xuất an toàn đạt hiệu quả. Nghiên cứu các phương án tối ưu trong sản xuất hoàn thiện dây chuyền gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí do Phân xưởng đảm nhận.

- *Phân xưởng sửa chữa diesel:*

Thực hiện công tác sửa chữa, đại tu – trung tu các tổ máy phát điện diesel, lắp đặt Nhà máy điện diesel; Quản lý tài sản và trang thiết bị được Công ty giao cho Phân xưởng;Tổ chức sản xuất an toàn đạt hiệu quả.

- *Phân xưởng Vận tải - sơn:*

Thực hiện công tác sơn vỏ, xả ép gông, các loại phụ kiện máy biến thế các loại theo kế hoạch được giao; Sửa chữa, đại tu các loại phương tiện vận tải, đảm bảo số lượng xe để phục vụ vận chuyển, thực hiện công tác sản xuất kinh doanh trong Công ty; Quản lý tài sản và trang thiết bị được Công ty giao cho Phân xưởng; Tổ chức sản xuất an toàn đạt hiệu quả.

- *Phân xưởng Dịch vụ (sản xuất dây điện từ - dây cáp điện các loại):*
- *Phân xưởng gia công chế tạo thiết bị cơ khí thuỷ công:*

Thực nhiện công tác chế tạo các loại thiết bị cơ khí thuỷ công cho các Nhà Máy Thuỷ điện, chế tạo các loại khung Nhà Xưởng, hệ thống vì kèo; Chế tạo các loại trạm trụ điện thép, giá đỡ thiết bị đến 500KV và các sản phẩm cơ khí dân dụng chuyên Ngành.

- *Phân xưởng Thép Kỹ thuật Điện:*

Thực hiện công tác gia công chế tạo các loại thép từ kỹ thuật điện dùng trong công nghệ sản xuất máy biến áp các loại.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

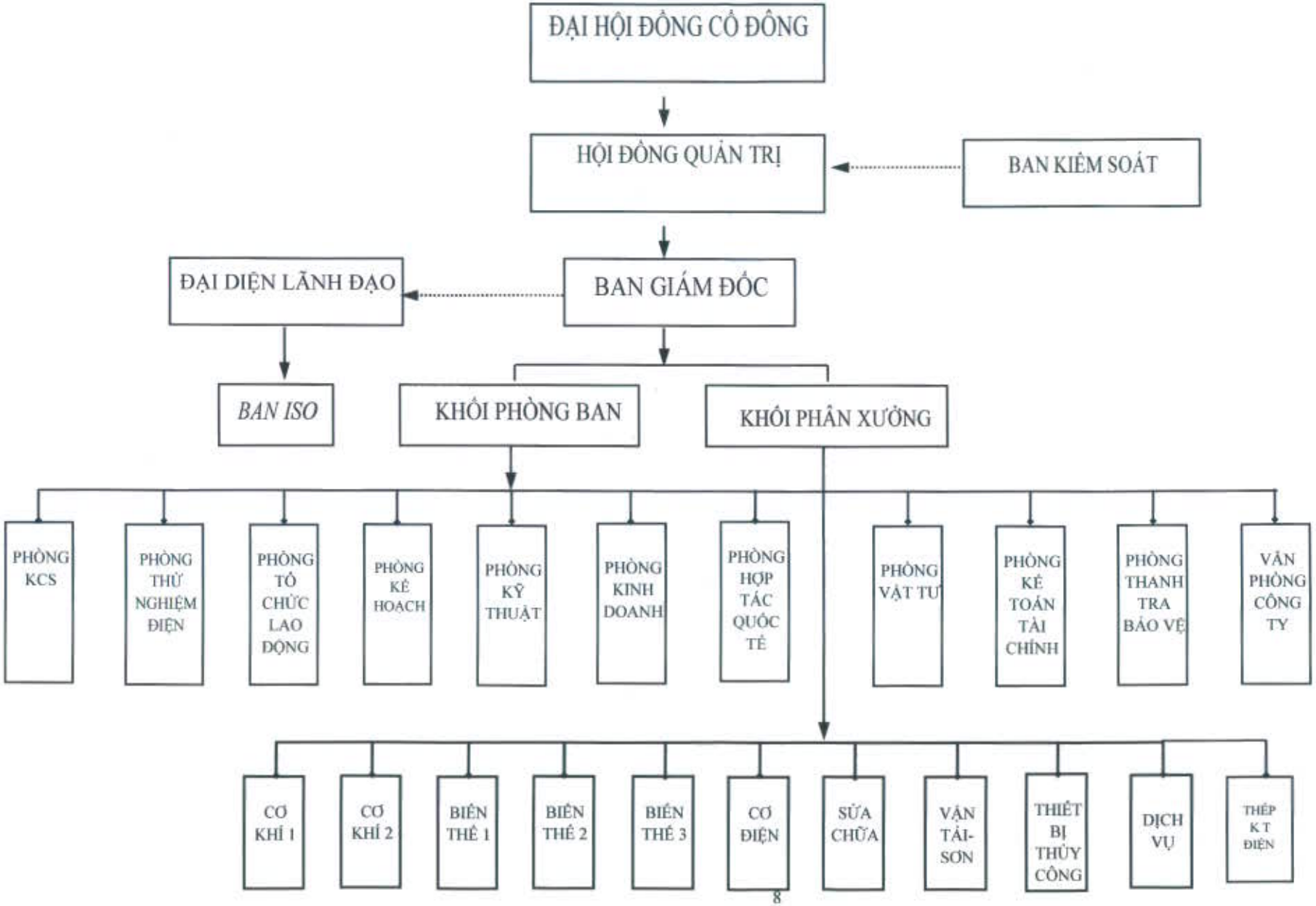

5. *Định hướng phát triển*

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Nâng cao sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; tăng trưởng doanh thu, tối đa hoá lợi nhuận; nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động; đảm bảo lợi ích của các cổ đông; hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước; tuân thủ pháp luật; đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, Công ty đã xác định chiến lược phát triển toàn diện trên các mặt về năng lực tài chính, chất lượng nguồn nhân lực, năng lực và năng suất hoạt động của máy móc thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật và trình độ công nghệ; nâng cao năng lực về trình độ quản lý cho hàng ngũ cán bộ quản lý cấp trung gian; xây dựng các chiến lược cạnh tranh về sản phẩm, giá bán, thị trường, tăng cường hiệu quả công tác bán hàng, xây dựng uy tín của sản phẩm và thương hiệu doanh nghiệp. Ngoài ra, thường xuyên tiến hành phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty như: các nhân tố về môi trường kinh tế, chính trị pháp lý, trình độ khoa học công nghệ, văn hoá xã hội; thị trường tài chính tiền tệ và tình hình hội nhập kinh tế quốc tế. Các chiến lược cụ thể trước mắt bao gồm:

- Phát triển thị trường cho sản phẩm máy biến áp, các loại sản phẩm cớ khí –điện ra thị trường Miền Trung, miền Bắc; tập trung đẩy mạnh công tác xây dựng hệ thống đại lý bán lẻ sản phẩm .

- Tiếp tục tìm kiếm thêm thị trường tại các nước trong khu vự Đông Nam Á; đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước mà Công ty đã có mối quan hệ tốt, có kinh nghiệm giao thương như Lào , Campuchia.

- Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, có tinh thần trách nhiệm, ban hành các qui chế tiền thưởng, chế độ khuyến khích đối với các lao động nắm giữ các vị trí chủ chốt trong dây chuyền sản xuất; có chế độ đặc biệt khi thực hiện các "mũi nhọn kinh doanh" trong hoạt động đối ngoại, tìm kiếm khách hàng; xây dựng chính sách khuyến khích vật chất đối với cá nhân người lao động trong Công ty và cổ đông bên ngoài khi tham gia việc kinh doanh, giới thiệu sản phẩm của Công Ty với các khách hàng.

- Sản xuất các sản phẩm thiết bị điện có chất lượng đảm bảo nhưng giá cả cạnh tranh;

- Từng bước thực hiện cải tạo, nâng cấp một số hệ thống máy móc thiết bị chính của dây chuyền sản xuất máy biến áp phân phối, máy biến áp truyền tải để nâng cao năng suất, tiết giảm hao phí thời gian lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, góp phần giảm chi phí sản xuất.

- Tận dụng lợi thế về vị trí địa lý và là đơn vị thành viên trong Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam, Công Ty xác định thị trường TP. Hồ Chí Minh và khu vực Miền Nam là thị trường trọng điểm.Tuy nhiên, Công ty cũng không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ tại các tỉnh thành khác tại Việt Nam, trong đó cần tập trung tìm kiếm và lựa chọn các nhà phân phối có năng lực,có quan hệ tốt với địa phương, nơi sản phẩm Công ty dự kiến đưa đến chào hàng, sử dụng.

- Đầu tư thêm về lĩnh vực tài chính, đầu tư chứng khoán và đầu tư vào một số lĩnh vực khác như mua bán trang thiết bị cơ điện, xây dựng điện khi Công ty có điều kiện phát triển mạnh nguồn vốn lưu động.

6. Các rủi ro, khó khăn:

Tình hình kinh tế thế giới năm 2013 được dự báo tiếp tục giảm sút, kinh tế các nước Mỹ, Nhật và trong khu vực chưa có dấu hiệu phục hồi, khủng hoảng nợ công tại một số nước Châu Âu ngày càng trở nên xấu hơn; tại Châu Á, kinh tế Trung Quốc và Ấn Độ đã chững lại sau nhiều năm tăng trưởng nóng... Trong nước, Chính phủ đặt mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát là vấn đề ưu tiên hàng đầu; lãi suất ngân hàng tuy có giảm, nhưng khó tiếp cận; thị trường bất động sản tiếp tục đóng băng... làm giảm sút nhu cầu sử dụng thiết bị điện, các sản phẩm cơ khí kèm theo công trình, dẫn đến sự cạnh tranh quyết liệt hơn trên thị trường thiết bị điện, nhất là về sản phẩm máy biến áp.

Ngoài ra, do việc Chính phủ tập trung tái cơ cấu vào ba lĩnh vực quan trọng nhất, đó là: tái cấu trúc đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính; tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty Nhà nước, sẽ ảnh hưởng đến công tác sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp trên cả nước, trong đó có CTCP Cơ Điện Thủ Đức.

Đối với Công ty, hoạt động kinh doanh trong năm 2013 tiếp tục gặp khó khăn do các khách hàng truyền thống và các công trình công nghiệp do Ngành Điện đầu tư còn thiếu vốn, áp lực nợ vay tăng cao; lãi suất ngân hàng tuy có giảm theo chủ trương của Chính phủ, nhưng doanh nghiệp vẫn chưa tiếp cận được một cách đầy đủ..., nên áp lực lên chi phí sử dụng vốn kinh doanh vẫn còn cao, gây bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 28/4/2012, HĐQT đã triển khai chương trình, nhiệm vụ kế hoạch công tác năm 2012 trong điều kiện tình hình thị trường thế giới diễn biến phức tạp, thị trường tài chính tiền tệ bất ổn. Tại Châu Á, tình hình lạm phát tăng cao... đã ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu.

Trong nước, kinh tế vĩ mô chưa ổn định, lạm phát vẫn ở mức cao, tiềm ẩn nguy cơ bùng phát; thị trường tài chính, thị trường công nghiệp cơ khí giảm sút, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp đang phải đối mặt với tình trạng giá cả đầu vào tăng, lãi suất cao, hàng tồn kho lớn... Chính phủ phải áp dụng nhiều biện pháp để kiềm chế lạm phát, trong đó có việc thực hiện chính sách cắt giảm đầu tư công, tạm dừng, hoãn các công trình công nghiệp chưa thật cần thiết, làm giảm sút nhu cầu sử dụng trang thiết bị đi kèm..., nên khối lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty có sụt giảm một phần so với kế hoạch thực hiện năm 2011.

Tuy nhiên, năm 2012, nhờ nhận định và đánh giá tương đối sát đúng xu hướng thị trường, vì vậy Công ty đã tránh được rủi ro và tổ chức kinh doanh có hiệu quả khá tốt.

Nhìn chung, trong năm 2012, tuy thị trường diễn biến phức tạp và có khó khăn, nhưng với sự nỗ lực, cố gắng của Ban Giám Đốc và tập thể cán bộ nhân viên, Công ty đã triển khai tổ chức kinh doanh có hiệu quả, thể hiện ở các chỉ tiêu chính đạt được như sau:

- Doanh thu: 312,81 tỷ đồng/300 tỷ đồng, đạt 104,27% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế: 12,12 tỷ đồng/12 tỷ đồng, đạt 101,02% kế hoạch;
- Cổ tức đề nghị: 10%, đạt 100% kế hoạch;
- Thu nhập bình quân: 5,7 triệu đồng/người/tháng (đạt 103, 63% kế hoạch).

2. *Tổ chức và nhân sự (Ban Giám đốc, Kế toán Trưởng)*

STT	Họ và tên	Chức vụ - công việc hiện tại	Ngày tháng năm sinh	Số CMND; Nơi cấp; Ngày cấp	Địa chỉ thường trú	Trình độ đào tạo; Nơi Đào tạo; Thời gian đào tạo	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Võ Văn Biên	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc	29/5/1954	021970028; TP.HCM; 22/12/2009.	53 Lý Nam Đế, P.8, Q.11, TP.HCM	Kỹ sư Điện; Nơi đào tạo: Đại học Bách khoa Hà nội ; Thời gian đào tạo : 5 năm	0,84 %;
2	Lê Đình Kiệt	Ủy viên HĐQT; Phó Giám đốc	05/3/1964	021386128; TP.HCM; 14/12/2007.	12 đường 4, KP2, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP.HCM	Kỹ sư Điện; Nơi đào tạo: Đại học Bách khoa TP.HCM; Thời gian đào tạo : 5 năm	0,04 %
3	Nguyễn Tri Ân	Phó Giám đốc	21/12/1955	020169514; TP.HCM; 19/7/2005.	107/10B Ngô Đức Kế, P.12, Q.BT, TP.HCM	Kỹ sư Cơ Khí chế tạo máy; Nơi đào tạo: Đại học Bách khoa TP.HCM; Thời gian đào tạo : 5 năm	0,42 %

4	Bùi Phước Quãng	Kế toán Trưởng	14/6/1968	022268811; Tp.HCM; 07/04/2008	63/222 Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	Cử nhân Tài chính kế toán; Nơi đào tạo: trường Đại học Tài chính Kế toán TP HCM; Thời gian đào tạo: 4 năm	0,04 %

➢ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng cán bộ, nhân viên đến thời điểm 31/12/2012: 501 người;

+ Chính sách đối với người lao động: Công ty đã thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước hiện hành như: đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp…

➢ Thay đổi trong Ban điều hành:

+ Đối với Ban Giám đốc: không thay đổi;

+ Đối với Kế toán trưởng: không thay đổi.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

➢ Việc triển khai kế hoạch đầu tư của Công ty trong năm qua chủ yếu ưu tiên tập trung nguồn lực cho dự án nâng cấp dây chuyền công nghệ gia công, sản xuất vật liệu amorphous, đáp ứng cho yêu cầu về sản xuất máy biến áp phân phối tổn thất thấp; một số cụm công việc khác là tập trung cho xây dựng, sửa chữa thường xuyên tại các Phân xưởng-Phòng Ban trong Công ty.

➢ *Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT:*

- Đối với dự án tại khu đất 50ha Khu công nghiệp Phước Bình (Long Thành-Đồng Nai): Công ty đang phối hợp với Công ty đầu tư hạ tầng KCN Sabeco thực hiện quy hoạch, xác định lại vị trí Khu nhà nghỉ công nhân trong khu công nghiệp theo quy định quy hoạch KCN, chuẩn bị kế hoạch với Ban giải toả đền bù Huyện Long Thành để tiến hành thực hiện việc đền bù giải phóng mặt bằng và bàn giao quỹ đất cho Công ty .

- Đối với dự án Văn phòng làm việc nhà nghỉ công nhân (994 m^2) tại Bãi Dâu-TP Vũng tàu: Công ty đã hoàn thành thủ tục giao đất sử dụng 50 năm, nhận Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất.

➢ Để tìm kiếm thêm lợi nhuận hỗ trợ cho hoạt động sản xuất cơ khí vốn dĩ rất khó khăn trong đấu thầu cạnh tranh, đơn vị có đầu tư mua 02 loại cổ phiếu của 02 đơn vị trong ngành Điện:

- Đầu tư mua 3.000 cổ phần mệnh giá 100.000 đồng /CP của Công Ty cổ phần Xây lắp Điện, nay là CTy cổ phần Đầu tư -Thương mại & dịch vụ (thuộc Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam); được chia cổ tức 29.989.000 đồng .

- Trong 3 năm 2008-2009-2010, Công Ty đã đầu tư mua 1.088.500 cổ phần của Ngân Hàng Thương mại cổ phần An Bình; đến thời điểm 31/12/2011, Công ty đã được

chia 199.611CP thưởng và chia cổ tức 03 đợt bằng tiền mặt với số tiền 1.466.935.000 đồng. Riêng trong năm 2012, Ngân hàng ABB có chia thêm 7 % cổ tức bằng tiền mặt.

Công Ty xác định đây là đầu tư lâu dài, nên khả năng thu hồi vốn và tìm kiếm lợi nhuận qua việc đầu tư cổ phiếu của 02 Công Ty trên là khả quan, trong tầm kiểm soát của Công Ty .

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. *Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	361.027.608.546	288.576.610.473	(20,07)
Doanh thu thuần	323.453.091.487	305.924.114.900	(5,42)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.791.744.047	11.797.335.301	(20,25)
Lợi nhuận khác	(189.417.948)	325.850.682	172
Lợi nhuận trước thuế	14.602.326.099	12.123.185.983	(16,98)
Lợi nhuận sau thuế	11.195.113.404	9.071.874.220	(18,17)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ LNST	72%	88%	22

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,199	1,279	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,64	0,52	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,74	0,68	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,87	2,13	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	1,82	1,67	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,89	1,06	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,46%	2,97%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12,02%	9,87%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,14%	3,10%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,55%	3,85%	

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

➢ Cổ phần:

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012:

+ Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2012: 91.904.709.960 đồng;

+ Vốn góp của Cổ đông : 80.730.000.000 đồng;

+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.073.000 cp;

+ Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu: 11.384 đồng/cp.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại đang lưu hành: 8.073.000 cổ phiếu.

Trong đó:

+ Cổ phiếu thường: 8.073.000 cổ phiếu;

+ Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu;

➢ **Cơ cấu cổ đông:**

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn thực góp:	**8,046,100**	**80,461,000,000**	**100%**	**26,900**	**269.000.000**	**0.33%**	**8,073,000**	**80,730,000,000**	**100%**
1. Cổ đông nhà nước (01 cổ đông)	4,595,222	45,952,220,000	56.92%				4,595,222	45,952,220,000	56.92%
Cổ đông nội bộ (09 cổ đông): HĐQT, BKS, BGĐ,KTT.	140,994	1,409,940,000	1.75%				140,994	1,409,940,000	1.75%
3. Cổ đông khác:									
Cá nhân (790 cổ đông)	2,982,857	29,828,570,000	36.95%	26,900	269.000.000	0.33%	3,009,757	30,097,570,000	37.28%
Tổ chức (03 cổ đông)	327,027	3,270,270,000	4.05%				327,027	3,270,270,000	4.05%

Phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn thực góp	**8,046,100**	**80,461,000,000**	**100%**	**26,900**	**269.000.000**	**0.33%**	**8,073,000**	**80,730,000,000**	**100%**
Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	4,595,222	45,952,220,000	56.92%	0	0	0.00%	4,595,222	45,952,220,000	56.92%
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	414,200	4,142,000,000	5.13%	0	0	0.00%	414,200	4,142,000,000	5.13%
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	3,036,678	30,366,780,000	37.62%	26,900	269.000.000	0.33%	3,063,578	30,635,780,000	37.95%

- **DANH SÁCH CỔ ĐÔNG BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG:**

TỔNG CỘNG : 140,994 CỔ PHẦN

Stt	Họ và tên	Chức danh công việc	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Mã chứng khoán	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Võ Văn Biên	Thành viên HĐQT	021970028	22/12/2009	TP.HCM	14/49 Hàm Tử, P.1, Q.5, TP.HCM	EMC	68,193	Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản đ Điều 8 Nghị định số 14/2007/NĐ-CP về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán về việc Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.
2	Lê Đình Kiệt	Thành viên HĐQT	021386128	14/12/2007	TP.HCM	Số 12, đường số 4, KP 2, P.Linh Tây, Q.TĐ, TP.HCM	EMC	3,867	
3	Nguyễn Minh Quang	Thành viên HĐQT	021400515	21/8/2009	TP.HCM	TK2/1, cư xá Điện lực, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM	EMC	7,331	
4	Nguyễn Kim Thanh	Thành viên HĐQT	021772384	15/3/2008	TP.HCM	253/2 Đào Duy Từ, P.7, Q.11, TP.HCM	EMC	10,855	
5	Nguyễn Tri Ân	Phó Giám đốc	020169514	19/7/2005	TP.HCM	107/10B Ngô Đức Kế, P.12, Q.BT, TP.HCM	EMC	34,330	
6	Bùi Phước Quãng	Kế toán Trưởng	022268811	28/5/1998	TP.HCM	63/222 Điện Biên Phủ, P.22, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	EMC	3,170	
7	Lê Minh Hải	Thành viên BKS	021779412	11/8/2005	TP.HCM	D2A-CX Đ/lực-P.Trường Thọ-Q.TĐ	EMC	2,528	
8	Nguyễn Ngọc Dung	Thành viên BKS	022674673	08/5/1999	TP.HCM	20/B 115 đường 3/2, F12, Q.10, HCM	EMC	8,720	
9	Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên BKS	011393245	09/1/2007	Hà Nội	11A2, Ngõ 51, Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội	EMC	2,000	

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:

+ Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn: Là một doanh nghiệp chuyên kinh doanh sản phẩm thiết bị cơ khí điện (chủ yếu là mặt hàng máy biến áp) nên với tỷ lệ cơ cấu tài sản và nguồn vốn như trên là hợp lý, đảm bảo cho các hoạt động chính của Công ty;

+ Về đánh giá khả năng sinh lời: Năm 2012, tình hình thị trường tín dụng, tiền tệ bất ổn cùng với chi phí giá vốn tăng cao nên ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Do vậy tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cũng như trên vốn chủ sở hữu có giảm (17,94 %) so với năm 2011.

- Phân tích những biến động, những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động:

+ Với mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, Chính phủ đã ban hành và thực hiện nghiêm Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 như: thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt, cắt giảm đầu tư công, giảm bội chi ngân sách Nhà nước...đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất-kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

+ Có thời điểm tỷ giá ngoại tệ (USD) biến động mạnh đã ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh đối với các lô hàng nguyên vật liệu Công Ty phải nhập khẩu (như đồng, tole silic, amorphuos). Đặc biệt, do lãi suất vay ngân hàng những tháng đầu năm 2012 vẫn còn ở mức cao nên đã ảnh hưởng đến công tác tổ chức kinh doanh hàng nhập khẩu của Công ty trong năm 2012;

+ Giá cả thị trường vật liệu thép, đồng, tôle silic trên thế giới tăng giảm thất thường, cũng góp phần tác động mạnh đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh chung của Công ty.

- **Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**:

Trong thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2012, Công ty đã :

- Cung cấp: 2.987 máy biến áp phân phối 1 pha, 3 pha các loại cho các đơn vị thuộc các Tổng Công Ty Điện Lực, các Công Ty TNHH, xây dựng Điện địa phương, Tổng giá trị phần doanh thu MBA phân phối là hơn 171tỷ / so với 168 tỷ đồng của cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, trong năm 2012, Công ty còn xuất khẩu được 94 máy biến áp phân phối (giá trị 112.938 USD) sang nước bạn Campuchia ;
- Bàn giao xong 07 máy biến áp lực công suất 40 MVA - 63 MVA, điện áp 110 KV cho Tổng Công Ty Điện lực Miền Nam, giá trị doanh thu là 81 tỷ đồng
- Bàn giao khối lượng thiết bị cơ khí thủy công công trình Nhà Máy Thủy Điện Huội Quãng và Sông Tranh 2, giá trị doanh thu 5,76 tỷ đồng.
- Thực hiện gia công các sản phẩm cơ khí và công tác phụ trợ khác : 6,36 tỷ

⇒ Với khối lượng công việc đã có hợp đồng như trên, trong năm 2012, Công ty đã đảm bảo giải quyết đủ việc làm, thu nhập của CBCNV được cải thiện thêm một bước so với năm 2011.

* Khó khăn:

- Do lạm phát kinh tế chung, lãi suất vay vốn và việc tiếp cận các Ngân hàng để vay vốn sản xuất vẫn còn khó khăn từ những tháng đầu năm; mặt khác do sản phẩm Công Ty sản xuất sau khi giao hàng cho người mua phải chấp nhận trả chậm do phụ thuộc tiến độ lắp đặt, việc giải ngân các công trình Điện, nên thời gian Công Ty phải chấp nhận trả tiền lãi vay lại thêm một lần tăng cao (bình quân phải trả lãi trên 19 %/năm), làm ảnh hưởng đến việc chuẩn bị vốn mua vật tư để sản xuất, làm giảm đáng kể kết quả lợi nhuận

- Doanh thu và thu nhập khác: Trong năm 2012 đạt mức tổng doanh thu 312,818 tỷ đồng; trong đó doanh thu hoạt động tài chính là 5,769 tỷ đồng, doanh thu khác 1,124 tỷ đồng

- Tình hình quản lý và sử dụng vốn:

Công Ty vẫn đảm bảo được việc huy động, quay vòng vốn kịp thời cho công tác sản xuất kinh doanh kịp thời. Công Ty vẫn đang tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ khách hàng, hạn chế đến mức thấp nhất việc vay vốn các Ngân hàng để sản xuất kinh doanh.

- Tình hình đầu tư mới trang thiết bị: Trong năm, Công ty đã tiếp tục đầu tư số tiền 1,1 tỷ đồng để mua thêm các thiết bị kèm theo trong dây chuyền sản xuất thép kỹ thuật điện amorphuos (được chuyển giao công nghệ từ Công Ty Metglas - Mỹ) để nâng cao chất lượng vật liệu amorphous, phục vụ tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công Ty (dây chuyền này đã được Công Ty đầu tư từ cuối năm 2010, bước đầu đã thành công tốt đẹp; sản phẩm đã được đưa vào sử dụng để chế tạo MBA phân phối với tổn thất rất thấp).

➢ Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch:

Với doanh thu năm 2012 thực hiện 312,81 tỷ đồng/300 tỷ đồng, đạt 104,27% KH và bằng 96% so cùng kỳ năm 2011; lợi nhuận trước thuế thực hiện 12,12 tỷ đồng/12 tỷ đồng, đạt 101,02% KH và bằng 89,3% so cùng kỳ năm 2011.

Như vậy, so với kế hoạch năm 2012 được Đại hội cổ đông thông qua, Công ty đã đạt mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận nhưng nếu so với cùng kỳ năm trước thì có phần giảm thấp hơn về tỷ lệ kế hoạch. Nguyên nhân như đã nêu ở các phần trên.

2. *Tình hình tài chính:*

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I. Tài sản ngắn hạn	100 - BCĐKT		
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110 - BCĐKT	54.238.325.113	17.746.909.686
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120 - BCĐKT	-	-
3. Các khoản phải thu	130 - BCĐKT	78.415.857.258	77.156.020.564
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi			

4. Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	152.905.309.919	144.152.306.590
5. Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	33.373.021.349	10.076.831.245
II. Tài sản dài hạn	200 - BCĐKT	42.095.094.907	39.444.542.388
1. Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	-	-
2. Tài sản cố định	220 - BCĐKT	33.965.593.765	31.228.991.233
- Tài sản cố định hữu hình	221 - BCĐKT	32.487.698.467	29.069.548.442
- Tài sản cố định thuê tài chính	224 - BCĐKT		
- Tài sản cố định vô hình	227 - BCĐKT		
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230 - BCĐKT	1.477.895.298	2.159.442.791
3. Bất động sản đầu tư	240 - BCĐKT	-	-
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT	7.448.179.500	7.665.879.500
5. Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	681.321.642	549.671.655
III. Nợ phải trả	300 - BCĐKT	267.958.354.094	196.671.900.513
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	265.958.728.289	194.730.764.483
Trong đó: Nợ quá hạn			
2. Nợ dài hạn	320-BCĐKT	1.999.625.805	1.941.136.030
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	93.069.254.452	91.904.709.960
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	93.069.254.452	91.904.709.960
Trong đó: vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	80.730.000.000	80.730.000.000
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420-BCĐKT	-	-

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý điều hành: đã đề ra nhiều giải pháp quản lý hữu hiệu; cải tiến nhiều quy trình theo hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2008; thực hiện quản trị doanh nghiệp theo hướng đồng bộ nhiều giải pháp, nhất là công tác quản trị tài chính, làm tăng tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh chung;

- Các biện pháp kiểm soát: tăng cường công tác quản lý các mặt, thông qua công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất; chú trọng công tác quản lý nguồn tiền vốn để sản xuất, hạn chế thấp nhất các khoản nợ ngắn hạn vay Ngân hàng; quản lý công nợ thông qua chế độ báo cáo và kiểm tra, đánh giá từng khoản nợ ngắn hạn, dài hạn và yêu cầu xác nhận nợ định kỳ, nhằm đôn đốc thu nợ đến hạn; kiểm soát các chi phí theo từng phương án sản xuất, góp phần tăng cao hiệu quả kinh doanh.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

- Cơ cấu lại tài sản, nghiên cứu đầu tư và triển khai các dự án nâng cấp dây chuyền sản xuất máy biến áp phân phối, cải tạo hệ thống kho bãi, nhà xưởng nhằm khai thác hiệu quả giá trị các trang thiết bị hiện có của Công Ty, phù hợp với chiến lược phát triển lâu dài .

- Tiếp tục mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm tại các Tỉnh Miền Nam, Miền Trung và khu vực phía Bắc nhằm mục tiêu tăng 50% lượng MBA tiêu thụ trong những năm sắp đến, đặc biệt là trong chiến lược đẩy mạnh công tác bán lẻ sản phẩm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Những đánh giá tổng quát về kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2012:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 28/4/2012, HĐQT đã triển khai chương trình, nhiệm vụ kế hoạch công tác năm 2012 trong điều kiện tình hình thị trường thế giới diễn biến phức tạp. Trong nước, kinh tế vĩ mô chưa ổn định, Chính phủ phải áp dụng nhiều biện pháp để kiềm chế, trong đó có việc thực hiện chính sách cắt giảm đầu tư công, tạm dừng, hoãn nhiều công trình công nghiệp chưa cần thiết; thực hiện chính sách thắt chặt tín dụng của ngân hàng; từ đó, làm giảm sút nhu cầu trang thiết bị công nghiệp…nên khối lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty cũng bị ảnh hưởng theo.

Tuy nhiên, năm 2012, nhờ nhận định và đánh giá tương đối sát đúng xu hướng thị trường, vì vậy Công ty đã tránh được rủi ro và tổ chức kinh doanh có hiệu quả khá tốt.

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Trên cơ sở Báo cáo nghiên cứu thị trường, đề xuất hướng phát triển và nghiên cứu dự án tiền khả thi đối với các tài sản Công ty, đồng thời kết hợp triển khai phương án cơ cấu lại tài sản, nguồn lực của Công ty theo hướng ưu tiên đầu tư thêm trang thiết bị với mức vốn phù hợp, không dàn trải và phát triển mở rộng mạng lưới kinh doanh – tiêu thụ sản phẩm thiết bị cơ khí điện khu vực Miền Trung và Bắc Miền Trung.

Những công việc chưa hoàn thành: Do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ, tình hình thị trường tài chính, thị trường bất động sản suy giảm nên việc khảo sát, lập dự án liên kết với Công Ty đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Sabeco để thực hiện đầu tư xây dựng khu công nghiệp tại Huyện Long Thành- Tỉnh Đồng Nai cần phải có thêm thời gian khảo sát, nghiên cứu khả thi hơn do nguồn vốn đầu tư lớn (hơn 120 tỷ đồng).

V. Quản trị công ty:

1. *Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:*

STT	Họ và tên	Chức vụ - công việc hiện tại	Ngày tháng năm sinh	Số CMND; Nơi cấp; Ngày cấp	Địa chỉ thường trú	Trình độ đào tạo; Nơi Đào tạo; Thời gian đào tạo	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Võ Văn Biên	Chủ tịch HĐQT	29/5/1954	021970028; TP.HCM; 22/12/2009.	53 Lý Nam Đế, P.8, Q.11, TP.HCM	Kỹ sư Điện; Nơi đào tạo: Đại học Bách khoa Hà nội ; Thời gian đào tạo : 5 năm	0,84 %; Và đại diện sở hữu 22,768 % - 1.838.088

							cổ phiếu EVN tại CTCP Cơ Điện Thủ Đức
2	Lê Đình Kiệt	Ủy viên HĐQT; Phó Giám đốc	05/3/1964	021386128; TP.HCM; 14/12/2007.	12 đường 4, KP2, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP.HCM	Kỹ sư Điện; Nơi đào tạo: Đại học Bách khoa TP.HCM ; Thời gian đào tạo : 5 năm	0,04 %; Và đại diện sở hữu 17,076 %- 1.378.567 cổ phiếu EVN tại CTCP Cơ Điện Thủ Đức
3	Lê Việt Hùng	Ủy viên HĐQT; Phó Ban Kỹ thuật sản xuất-Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	09/4/1969	011864103; Hà Nội; 24/6/2005	Khu tập thể Trường Kỹ thuật công nghiệp, Phường Thịnh Quang, Quận Đống đa, TP. Hà Nội	Kỹ sư Điện-Đại Học công nghiệp Thái nguyên; Cử nhân Kinh tế Đại học kinh tế quốc dân; Thạc sỹ quản lý Hệ thống điện (học viện AIT) Thời gian đào tạo : 5 năm + 3 năm + 2 năm	Đại diện sở hữu 17,076 % - 1.378.567 cổ phiếu của EVN tại CTCP Cơ Điện Thủ Đức
4	Nguyễn Kim Thanh	Ủy viên HĐQT-Trưởng Phòng Vật Tư	29/10/1953	021772384; TP.HCM; 08/6/1996	253/2, Đào Duy Từ, Phường 7, Quận 11, TP.HCM	Cử nhân Quản trị Kinh Doanh ; Đại Học Mở-Bán công; Thời gian đào tạo : 3,5 năm - Trung Cấp cơ khí (Cao đẳng Phú Thọ) Thời gian đào tạo : 3 năm	0,13 %
5	Nguyễn Minh Quang	Ủy viên HĐQT-Trưởng Phòng Tổ chức Lao động-đào tạo	21/10/1961	021400515; TP.HCM; 21/8/2009.	30/16 Đường số 16, Khu phố 1, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP.HCM	Kỹ sư Điện; Đại học Bách Khoa TP.HCM; Thời gian đào tạo : 5 năm - Cử nhân Luật (Đại Học Luật TP.Hồ Chí Minh); Luật sư (Bộ Tư Pháp). Thời gian đào tạo : 5,5 năm. - Cử nhân Anh văn	0,09 %

						(Trường ĐH Khoa học xã hội & nhân văn TP.HCM; thời gian đào tạo : 5 năm)	
6	Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban Kiểm Soát; Chuyên viên Ban Tài chính Tập Đoàn EVN	19/12/1970	011393245; Hà nội; 09/01/2001	11A2, Ngõ 51, Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội	Thạc sỹ Kinh Tế tài chính- Đại học Kinh Tế Quốc dân Thời gian đào tạo : 8 năm	0,02 %
7	Nguyễn Ngọc Dung	Thành viên Ban Kiểm soát; Giảng viên Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM	02/8/1968	022674673; TP.HCM; 08/5/1999	458/142, Đường 3/2, Phường 12, Quận 10,TP.HCM	Tiến sỹ Kinh tế- Đại Học Kinh tế TP.HCM Thời gian đào tạo : 8 năm	0,10 %
8	Lê Minh Hải	Thành viên Ban Kiểm soát	10/12/1961	021779412; TP.HCM; 11/8/2005	D2A, Cư xá Điện Lực Khu phố 6, Phường Trường Thọ Quận Thủ Đức TP.HCM	Cử nhân Quản trị kinh doanh- Trường Cán bộ quản lý TP.HCM Thời gian đào tạo : 4 năm	0,03 %

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị luôn chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc trong việc thực thi các Nghị quyết, quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Hội đồng quản trị thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban giám đốc đối với việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012;

• Nội dung các Biên bản , Nghị quyết HĐQT đã thực hiện trong công tác chỉ đạo, định hướng sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công Ty :

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	0299/NQ-CĐTĐ-HĐQT	22/02/2012	V/v triển khai công tác đầu tư dự án nâng cấp dây chuyền sản xuất và bảo quản máy biến thế của Cty CP Cơ Điện Thủ Đức
2	Biên bản họp HĐQT	14/3/2012	V/v Thông qua thực hiện kế hoạch SXKD năm 2011 – Dự kiến kế hoạch SXKD năm 2012 và Chương trình nghị sự tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2012
3	Biên bản họp HĐQT	07/5/2012	V/v đề nghị Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Thủ Đức TP.HCM cấp tín dụng
4	Biên bản họp HĐQT	08/6/2012	Thông qua việc thực hiện phương án sản xuất kinh doanh năm 2012-2013 và các vấn đề liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

5	Biên bản họp HĐQT số 1231B/BB-CĐTĐ-HĐQT	25/6/2012	V/v chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012
6	Biên bản họp HĐQT	17/7/2012	V/v Vay vốn của Ngân hàng Sài Gòn Thương tín Chi nhánh Thủ Đức.
7	Biên bản họp HĐQT số 1458/2012/BB -HĐQT-CĐTĐ	25/7/2012	V/v Bổ sung điều khoản về mục đích sử dụng, nội dung ủy quyền cho người đại diện pháp luật của Công ty thay mặt HĐQT thực hiện việc vay vốn Ngân hàng Sacombank trong năm 2012 để sản xuất
8	Biên bản họp HĐQT	07/8/2012	V/v vay vốn/cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn
9	Biên bản họp HĐQT	17/8/2012	V/v Thông qua thực hiện kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2012 – Dự kiến kế hoạch SXKD đến cuối năm 2012
10	Biên bản họp HĐQT	21/8/2012	V/v Bổ sung điều khoản về mục đích sử dụng và nội dung ủy quyền cho người đại diện pháp luật của Công ty thay mặt HĐQT thực hiện việc vay vốn tại 02 ngân hàng MB, OCB
11	Biên bản họp HĐQT số 1985/BB-CĐTĐ-HĐQT	28/9/2012	V/v Điều chỉnh hạn mức tín dụng, nội dung ủy quyền cho người đại diện pháp luật của Công ty thực hiện việc vay vốn ngân hàng TMCP Ngoại Thương (Vietcombank) – Chi nhánh Thủ Đức để sản xuất.
12	Biên bản họp HĐQT số 2491/BB-CĐTĐ-HĐQT	30/11/2012	V/v hạn mức tín dụng, nội dung ủy quyền cho người đại diện pháp luật của Công ty thực hiện việc vay vốn ngân hàng TMCP An Bình để bảo lãnh thực hiện hợp đồng

- Hiện tại, Công ty Cổ phần Cơ Điện Thủ Đức không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
- Trong Hội đồng Quản trị Công ty hiện nay, tất cả 05 thành viên đều đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, do Văn phòng Đại diện Ủy Ban chứng khoán Nhà nước phía Nam tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ .

• *Đánh giá chung tình hình thực hiện nhiệm vụ của HĐQT*

Hội đồng quản trị Công ty đã phát huy tốt vai trò quản lý, điều hành, vạch định chủ trương trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các thành viên HĐQT đã bám sát mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty; góp phần tạo dựng được tinh thần làm việc đoàn kết, tập trung dân chủ, cùng nhau gánh vác trách nhiệm .

Năm 2012, HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ mang lại hiệu quả và lợi ích cho Công ty và cho cổ đông.

Nhìn tổng quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2012, Hội đồng quản trị đã xây dựng được chiến lược phát triển của Công ty, điều chỉnh kịp thời các quyết định cho phù hợp tình hình thực tế nguồn vốn kinh doanh để từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh, góp phần phát triển Công Ty ngày càng bền vững.

3. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Theo kết quả bầu cử tại Đại hội cổ đông thành lập năm 2008, Ban Kiểm soát Công ty đã hoạt động được gần 05 năm, với thành phần BKS gồm 3 thành viên, Ban Kiểm soát hoạt động trên cơ sở Quy chế hoạt động của Ban và được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần.

Ban Kiểm soát đã xây dựng được quy chế hoạt động của Ban và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Ban theo dõi các mảng công tác cụ thể:

- Theo dõi quá trình quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát các hoạt động sản xuất của công ty và các định mức tiêu hao nguyên vật liệu sản xuất.
- Theo dõi, giám sát công việc thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư tài chính;
- Theo dõi tình hình thực hiện các chính sách đối với người lao động, kiểm soát tình hình chi tiêu trong công tác quản lý.
- Theo dõi, giám sát các hoạt động tài chính toàn Công ty, giám sát các hoạt động mua sắm, nhượng bán, thanh xử lý vật tư, thiết bị theo Quy định Điều lệ Công Ty và pháp luật hiện hành;.
- Theo dõi, giám sát tình hình tiêu thụ sản phẩm, công tác công nợ của công ty,

- Đánh giá quá trình hoạt động của Ban Kiểm soát: năm 2012, Ban Kiểm soát không nhận được bất cứ đơn thư khiếu kiện nào của cổ đông.

4. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty

Tiếp tục hoàn thiện các quy chế hoạt động, điều hành, công tác quản trị nội bộ Công ty phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và điều kiện thực tế phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh chung ;

Mở rộng thị trường, đẩy nhanh công tác tiêu thụ sản phẩm; xây dựng phương án huy động và sử dụng vốn hợp lý, hiệu quả trong điều kiện nền kinh tế có nhiều biến động và thực tế tình hình công nợ, nhu cầu vốn của Công ty trong từng thời điểm sản xuất.

5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2012, đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
1	Võ Văn Biên - Chủ tịch HĐQT	4.500.000
2	Lê Đình Kiệt - Ủy viên HĐQT; Phó Giám đốc	3.000.000
3	Lê Việt Hùng - Ủy viên HĐQT; Phó Ban Kỹ thuật sản xuất-Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	3.000.000
4	Nguyễn Kim Thanh - Ủy viên HĐQT-Trưởng Phòng Vật Tư	3.000.000

5	Nguyễn Minh Quang - Ủy viên HĐQT- Trưởng Phòng Tổ chức Lao động-đào tạo	3.000.000
6	Nguyễn Thị Hải Yến - Trưởng Ban Kiểm Soát; Chuyên viên Ban Tài chính Tập Đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	3.000.000
7	Nguyễn Ngọc Dung - Thành viên Ban Kiểm soát; Giảng viên Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM	2.000.000
8	Lê Minh Hải - Thành viên Ban Kiểm soát	2.000.000
	TỔNG CỘNG CHI TIỀN THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS (cả năm 2012) là : 282.000.000 đồng	

6. Các giao dịch khác (các giao dịch cổ phiếu hoặc hợp đồng/giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người có liên quan): ***Không có***

7. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện đảm bảo các quy định của pháp luật về quản trị công ty, trên cơ sở Quy chế quản trị nội bộ và Điều lệ Công ty đã ban hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. *Ý kiến kiểm toán (Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà Nội- CPA HANOI):*

- "….Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. "

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (về chi tiết Báo cáo tài chính năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Công ty đã công bố thông tin theo quy định pháp luật: gửi UBCKNN, Sở GDCK.TP.HCM, công bố trên báo Đầu tư ngày 03/4/2013 và đăng tải toàn văn BCTC trên website www.codientd.com của Công Ty, ngày 29/3/2013).

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN(100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**249,132,068,085**	**318,932,513,639**
I - Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**17,746,909,686**	**54,238,325,113**
1. Tiền	111	V.01	8,246,909,686	3,938,325,113
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.01	9,500,000,000	50,300,000,000
II - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	V.02		
1. Đầu t ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III - Các khoản phải thu	**130**		**77,156,020,564**	**78,415,857,258**
1. Phải thu của khách hàng	131	2	70,735,278,708	76,596,627,665
2. Trả trước cho người bán	132		5,258,746,035	1,250,129,715
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	6,217,825,243	6,429,748,887
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	2	(5,055,829,422)	(5,860,649,009)
IV - Hàng tồn kho	**140**		**144,152,306,590**	**152,905,309,919**
1. Hàng tồn kho	141	V.04	144,152,306,590	152,905,309,919
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V - Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**10,076,831,245**	**33,373,021,349**

1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		163,830,050	236,923,673
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,729,161	2,729,161
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.04	40,071,362	40,071,362
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	2	9,870,200,672	33,093,297,153
B - TÀI SẢN DÀI HẠN(200=210+220+240+250+260)	**200**		**39,444,542,388**	**42,095,094,907**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở những đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	**220**		**31,228,991,233**	**33,965,593,765**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	29,069,548,442	32,487,698,467
- Nguyên giá	222		90,586,351,728	88,602,816,007
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(61,516,803,286)	(56,115,117,540)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2,159,442,791	1,477,895,298
III. Bất động sản đầu t	**240**	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**7,665,879,500**	**7,448,179,500**
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			

3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	10,089,265,685	10,089,265,685
4. Dự phòng giảm giá giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2,423,386,185)	(2,641,086,185)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**549,671,655**	**681,321,642**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	524,771,655	593,421,642
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		24,900,000	87,900,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**288,576,610,473**	**361,027,608,546**
NGUỒN VỐN	**Mã số**	**Thuyết minh**	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**196,671,900,513**	**267,958,354,094**
I - Nợ ngắn hạn	**310**		**194,730,764,483**	**265,958,728,289**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	126,399,320,754	177,887,851,426
2. Phải trả người bán	312		32,040,923,114	52,419,080,707
3. Người mua trả tiền trước	313	15	17,522,638,394	17,904,872,720
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	4,289,148,164	3,989,266,951
5. Phải trả người lao động	315		29,719,778	1,084,652,956
6. Chi phí phải trả	316	V.17	278,493,315	1,426,350,746
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	10,381,382,521	7,889,326,458
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	320		2,505,136,429	2,656,325,869
11. Quỹ khen thưởng - phúc lợi	323		1,284,002,014	701,000,456
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327			
II. Nợ dài hạn	**330**		**1,941,136,030**	**1,999,625,805**
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		

3. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	8,000,000	8,000,000
4. Vay và nợ dài hạn khác	334	V.20	222,639,000	340,863,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			381,730,593
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		1,710,447,030	1,269,032,212
8. Doanh thu chưa thực hiện đợc	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	**400**		**91,904,709,960**	**93,069,254,452**
I - Vốn chủ sở hữu	**410**	V.22	**91,904,709,960**	**93,069,254,452**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,730,000,000	80,730,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(47,531,288)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,680,795,469	1,121,039,799
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		9,493,914,491	11,265,745,941
11. Nguồn vốn đầu t XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II- Nguồn kinh phí	**430**			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**288,576,610,473**	361,027,608,546

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

Đơn vị tính : đồng

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trớc
	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	305,924,114,900	324,817,395,487
	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			1,364,304,000
	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		305,924,114,900	323,453,091,487
	4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	249,202,923,960	267,134,184,284
	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		56,721,190,940	56,318,907,203
	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	5,769,943,708	11,356,277,846
	7. Chi phí tài chính	22	VI.28	25,365,976,587	35,848,383,559
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*25,001,017,765*	*31,895,287,230*
	8. Chi phí bán hàng	24		14,906,283,977	6,245,402,144
	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10,421,538,783	10,789,655,299
	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		11,797,335,301	14,791,744,047
	11. Thu nhập khác	31		1,124,533,901	3,702,857,838
	12. Chi phí khác	32		798,683,219	3,892,275,786
	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		325,850,682	(189,417,948)
	14. Tổng lợi nhuận kế toán trớc thuế (50 = 30+40)	50		12,123,185,983	14,602,326,099
	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	3,051,311,763	3,407,212,695
	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		9,071,874,220	11,195,113,404
	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1,124	1,387

Nơi nhận :
- UBCKNN, Sở GDCK.TP.HCM (b/c);
- Công bố thông tin trên website C.Ty;
- Lưu VT.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

S.Đ.K.K.D: 4103008956-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC
Q. THỦ ĐỨC TP.HỒ CHÍ MINH

VÕ VĂN BIÊN